

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Giáo dục tiểu học

Tên tiếng Anh: Primary Education

Tên chuyên ngành: Giáo dục tiểu học

Mã ngành: 7140202

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đắk Lắk, năm 2023

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

(Ban hành theo Quyết định số ... /QĐ-ĐHTN ngày ... tháng ... năm 20
... của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Thông tin về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt): GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Tên chương trình (tiếng Anh): Primary Education

Mã ngành: 7140202

Trường cấp bằng: Đại học Tây Nguyên

Tên gọi văn bằng: Cử nhân Giáo dục tiểu học

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Đối tượng tuyển sinh và phương thức tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD & ĐT và Theo Quy chế tuyển sinh của Trường.

- Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh của Trường.

Thang điểm đánh giá: Thực hiện theo “Quy chế học vụ đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo “Quy chế học vụ đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

Vị trí việc làm sau tốt nghiệp: Là giáo viên tiểu học, tham gia dạy học ở các trường tiểu học; Tham gia nghiên cứu khoa học Giáo dục trên cơ sở kiến thức cơ bản và chuyên ngành.

Học tập nâng cao trình độ: Có thể học lên thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành giáo dục học tiểu học; Lí luận và phương pháp dạy học tiểu học, quản lý giáo dục...

Chương trình tham khảo khi xây dựng:

- Chương trình đào tạo Ngành Giáo dục tiểu học Đại học Thái Nguyên
- Chương trình đào tạo Ngành Giáo dục tiểu học Đại học Sư phạm Hà Nội
- Chương trình đào tạo Ngành Giáo dục tiểu học Đại học Cần Thơ

Thời gian cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo: tháng năm 20 .

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Tầm nhìn – Sứ mệnh - Triết lí giáo dục của Nhà trường

Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường Đại học Tây Nguyên là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông - lâm nghiệp, môi trường, kinh tế, tự nhiên và xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội.

Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc.

Triết lí giáo dục của Nhà trường

Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học

2.2. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học trình độ đại học nhằm đáp ứng những nhu cầu đòi hỏi mới giáo dục tiểu học trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Sinh viên tốt nghiệp phải có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khoẻ, có các năng lực dạy học, giáo dục học sinh theo các yêu cầu của chuẩn giáo viên tiểu học, có khả năng dạy tốt chương trình tiểu học, có ưu thế trong dạy học cho học sinh tiểu học, có tiềm lực nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng những phát triển tiếp theo của giáo dục tiểu học trong những thập kỷ tới.

Trong quá trình công tác, sinh viên tốt nghiệp hệ đào tạo này sẽ: Có khả năng trở thành giáo viên cốt cán bậc tiểu học; Có thể tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ về Giáo dục tiểu học.

2.3. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp phải đạt được các yêu cầu cụ thể là:

2.3.1. Về kiến thức

M1: Giáo dục những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn với thực tiễn.

M2: Trang bị những kỹ năng cơ bản trong Giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

M3: Có kiến thức thực tiễn về lĩnh vực quản lý hành chính giáo dục; tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội, đời sống, phong tục tập quán của địa phương để hỗ trợ cho việc dạy học và giáo dục học sinh góp phần kết nối và phát triển cộng đồng.

M4: Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp như nhận thức và ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch và triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp; qua đó thúc đẩy tinh thần dám nghĩ, dám làm trong việc chọn nghề, lập nghiệp.

M5: Vận dụng được kiến thức cơ bản, chuyên sâu về tâm lý học, giáo dục học, bước đầu biết vận dụng các kiến thức này vào thực tiễn dạy học, giáo dục HS ở trường tiểu học..

M6: Vận dụng những kiến thức nền tảng về văn học, ngôn ngữ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức toán học tạo công cụ cho việc học tập vào dạy học các môn học ở tiểu học. Có khả năng lập luận, nghị luận một cách lưu loát trong quá trình dạy học.

M7: Nắm vững hệ thống kiến thức lí luận dạy học các môn học và các hoạt động giáo dục và vận dụng vào dạy học và giáo dục học sinh tiểu học.

2.3.2. Về kỹ năng, thái độ

M8: Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục ở trường tiểu học; năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển chương trình giáo dục tiểu học.

M9: Có kỹ năng tự học, trải nghiệm và thích ứng nghề nghiệp; năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi; giám sát và hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

M10: Có kỹ năng giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp với gia đình và cộng đồng để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.

2.3.3. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

M11: Có kỹ năng sử dụng tiếng Anh, tin học ứng dụng thành thạo để giải quyết các yêu cầu công việc

3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Là giáo viên tiểu học tham gia dạy học và quản lý ở các trường tiểu học; Làm chuyên viên Phòng Giáo dục, Sở Giáo dục liên quan đến lĩnh vực giáo dục tiểu học; Có thể tiếp tục học lên các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ về Giáo dục tiểu học, Quản lý giáo dục và có khả năng trở thành người nghiên cứu khoa học giáo dục trên cơ sở kiến thức cơ bản và chuyên ngành.

4. Chuẩn đầu ra

4.1. Kiến thức

4.1.1. Kiến thức chung

C1: Vận dụng được những nội dung cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí

Minh, đường lối chính sách pháp luật của Việt Nam, đường lối cách mạng của Đảng vào việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, chính trị để trở thành công dân tốt.

C2: Khoa học tự nhiên, kinh tế, xã hội

- Có hiểu biết về Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành.
- Có hiểu biết về con người, tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội, đời sống, phong tục tập quán của Việt Nam để có thể hòa nhập và góp phần phát triển cộng đồng.
- Có kiến thức về khởi nghiệp để tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp, có kỹ năng mềm và vận dụng các kỹ năng mềm vào giảng dạy ở tiểu học

C3: Kiến thức ngoại ngữ, tin học

- Có năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (phụ lục kèm theo)
- Có chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên.

C4: Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục thể chất

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng an ninh
- Đã hoàn thành môn học Giáo dục thể chất

4.1.2. Kiến thức chuyên môn

C5: Cơ sở ngành

- Vận dụng được các kiến thức Tâm lý học tiểu học, Giáo dục học tiểu học để tổ chức các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục.
- Hiểu biết một cách có hệ thống và vận dụng những kiến thức nền tảng về văn học, ngôn ngữ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức toán học tạo công cụ cho việc học tập vào dạy học các môn học ở tiểu học. Có khả năng lập luận, nghị luận một cách lưu loát trong quá trình dạy học.

C6: Chuyên ngành

- Vận dụng lí luận dạy học bộ môn để tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
- Có khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.
- Có khả năng thực hiện các chủ đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học (xác định vấn đề, thực hiện nghiên cứu giáo dục, công bố kết quả nghiên cứu ...).
- Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình tiểu học.

4.2. Kỹ năng

Kỹ năng chung

C7. Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục học sinh; Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh; Có kỹ năng duy trì và thiết lập quan hệ tốt với học sinh, phụ huynh học sinh, đồng nghiệp và cộng đồng để dạy học và giáo dục học sinh.

Kỹ năng chuyên môn

C8. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; Tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh theo mục tiêu của nhà trường.

C9. Có kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm ở trường tiểu học; Có kỹ năng tư vấn, tham vấn cho phụ huynh học sinh và cộng đồng để dạy học và giáo dục học sinh; Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C10. Yêu thương học sinh, có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học

C11. Nhận thức và hành động theo lẽ phải, sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải; Chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng; Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của	Kiến thức chung	Kiến thức chuyên môn	Kỹ năng chung	Kỹ năng chuyên môn	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
--------------	-----------------	----------------------	---------------	--------------------	--------------------------------

CTĐT											
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
M1	x								x		
M2				x					x		
M3		x									
M4		x									
M5					x					x	x
M6					x					x	x
M7						x				x	x
M8						x		x		x	x
M9									x	x	x
M10									x	x	x
M11			x				x			x	x

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Áp dụng “Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 1574/QĐ – ĐHTN ngày 24/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

II. Mô tả chương trình dạy học

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 TC

(Không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Kiến thức giáo dục đại cương: 38TC
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 93
 - Kiến thức cơ sở ngành: 32 TC
 - Kiến thức ngành:
 - Kiến thức chuyên ngành: 41 TC
 - Kiến thức nghiệp vụ sư phạm (nếu có): 13
 - Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế: 7TC
- Giáo dục thể chất: 3 TC
- Giáo dục Quốc phòng: 8TC

2. Nội dung đào tạo

2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 38 TC

2.1.1. Lí luận chính trị (11 TC)

TT	MÃ HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số TC LT	Số TC TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/học trước
1	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	0	

2	ML211031	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	2	0	ML211030
3	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	ML211031
4	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	2	0	ML211032
5	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.4	0.6	2	0	ML211002
Tổng cộng			11	9.9	1.1	11	0	

2.1.2. Khoa học Xã hội (11 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số TC LT	Số TC TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
6	SP211005	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí GDĐT	1	1	0	1	0	
7	SP211002	Dẫn luận ngôn ngữ	2	2	0	2	0	
8	SP211003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1.5	0.5	0	2	
9	SP211018	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	2	1.5	0.5	0		
10	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0	0	2	
11	SP211009	Nhân học đại cương	2	2	0	0		
12	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0	0		
13	KT213007	Khởi nghiệp	2	1.5	0.5	2	0	
14	KT212202	Kĩ năng mềm	2	2	0	2	0	
Tổng cộng			11	9.5	1.5	7	4	

2.1.3. Ngoại ngữ (12 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	TC LT	TC TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/học trước
15	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3	0	
16	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3	0	FL211011
17	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3	0	FL211012
18	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3	0	FL211013
Tổng cộng			12	12	0	12	0	

Nhóm học phần thay thế nhóm học phần Ngoại ngữ đối với sinh viên nước ngoài

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/HP học trước
15	SP211101	Ngữ âm tiếng Việt	3	3	0	3		

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/HP học trước
16	SP211102	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	3	3	0	3		
17	SP211103	Ngữ pháp tiếng Việt	3	3	0	3		
18	SP211104	Phong cách học tiếng Việt	3	3	0	3		
Tổng cộng			12	12	0	12	0	

2.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường (4 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số TC LT	Số TC TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/học trước
19	SP211031	Thống kê trong KHGD	2	2	0	0	2	
20	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	0		
21	KC211026	Khoa học môi trường	2	2	0	0	2	
22	KC211030	Sinh lí học trẻ em	2	2	0	0		
Tổng cộng			4	4	0	0	4	

2.2. Giáo dục thể chất (3TC)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
23	SP211032	Thể dục cơ bản và điền kinh	1		1	1		
<i>Học phần tự chọn 1: 1/4</i>								
24	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1		1		1	
	SP211034	Bơi lội cơ bản	1		1			
	SP211035	Cầu lông cơ bản	1		1			
	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1		1			
<i>Học phần tự chọn 2: 2/4</i>								
25	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1		1		1	
	SP211037	Teakwondo cơ bản	1		1			
	SP211038	Bóng đá cơ bản	1		1			
	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1		1			
Tổng:			3			1	2	

Đối với sinh viên sức khỏe hạn chế thì học các học phần sau:

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
----	-------	--------------	------------	----	----	----	----	------------------

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổ ng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
23	SP211039	Cờ vua 1	1		1	1		
24	SP211040	Cờ vua 2	1		1	1		
25	SP211041	Cờ vua 3	1		1	1		
Tổng:			3			3	0	

2.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết, 8 TC)

TT	MÃ HP	Tên học phần	Tổ g số TC	Số TC LT	Số TC TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
26	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	3	0	
27	QP211006	Công tác quốc phòng và An ninh	2	2	0	2	0	
28	QP211012	Quân sự chung	1	0.7	0.3	1	0	
29	QP211013	Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2	0	
Tổng cộng			8	5.7	2.3	8	0	

Nhóm học phần thay thế nhóm học phần Giáo dục quốc phòng đối với sinh viên nước ngoài

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổ số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/ HP học trước
26	SP211105	Tiếng Việt nâng cao	2	2	0	2		
27	SP211106	Văn hóa Việt Nam	3	3	0	3		
28	SP211107	Lịch sử Việt Nam	3	3	0	3		
Tổng cộng			8	8	0	8	0	

2.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 93 tín chỉ

2.4.1. Kiến thức cơ sở ngành (32 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổ số TC	Số TC LT	Số TC TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/học trước
30	SP212020	Văn học thiếu nhi	2	2	0	2	0	
31	SP211502	Tiếng Việt 1	2	2	0	2	0	

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số TC LT	Số TC TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết/học trước
32	SP211503	Tiếng Việt 2	2	2	0	2	0	SP211502
33	SP212564	Toán học 1	2	2	0	2	0	
34	SP212565	Toán học 2	2	2	0	2	0	
35	SP212566	Toán học 3	2	2	0	2	0	
36	SP212022	Cơ sở Tự nhiên & Xã hội 1	2	2	0	2	0	
37	SP212506	Cơ sở Tự nhiên & Xã hội 2	2	2	0	2	0	
38	SP212202	Tâm lí học tiểu học	3	3	0	3	0	
39	SP211025	Giáo dục học tiểu học	3	3	0	3	0	
40	SP213042	Giáo dục hòa nhập	2	2	0	2	0	
41	SP212203	PP nghiên cứu khoa học Giáo dục tiểu học	2	2	0	2	0	
42	SP212205	Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học	2	1	1	2	0	
43	SP213191	Đánh giá năng lực học sinh tiểu học	2	2	0	2	0	
44	SP212204	Nhập môn Giáo dục tiểu học	2	2	0	2	0	
Tổng cộng			32	31	1	32	0	

2.4.2. Kiến thức chuyên ngành (41 TC)

T T	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số TC LT	Số TC TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
45	SP213181	Phương pháp dạy học tiếng Việt 1	3	2	1	3	0	
46	SP213182	Phương pháp dạy học tiếng Việt 2	3	2	1	3	0	SP213181
47	SP213522	Đạo đức và phương pháp dạy học	2	1	1	2	0	
48	SP213074	Mĩ thuật và phương pháp dạy học	2	1	1	2	0	
49	SP213075	Âm nhạc và phương pháp dạy học	2	1	1	2	0	
50	SP213582	Công nghệ và PP dạy học	2	1	1	2	0	
51	SP213526	Thể dục và phương pháp dạy học	2	0.5	1.5	2	0	
52	SP213192	Phát triển chương trình tiểu học	2	2	0	2	0	

T T	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số TC LT	Số TC TH	BB	TC	Mã HP tiền quyết
53	SP213183	Phương pháp dạy học Toán 1	3	2	1	3	0	SP213183
54	SP213184	Phương pháp dạy học Toán 2	3	2	1	3	0	
55	SP213064	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	2	1	1	2	0	
56	SP213543	Lịch sử - Địa lí & Phương pháp dạy học	2	1	1	2	0	
57	SP213065	Khoa học và phương pháp dạy học môn khoa học	2	1	1	2	0	
58	SP213583	Tổ chức hoạt động Trải nghiệm ở trường tiểu học	2	1	1	2	0	
59	SP213067	Dạy học tích hợp ở trường tiểu học	2	2	0	2	0	
60	SP214552	Thực tế chuyên ngành	1	0	1	1	0	
61	SP213068	Dạy học Tiếng Việt theo định hướng giao tiếp	2	2	0	0	2	
62	SP213069	Dạy học hội thoại cho học sinh tiểu học	2	2	0	0		
63	SP213193	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Tiếng Việt ở tiểu học	2	2	0	0		
64	SP213194	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở TH	2	2	0	0	2	
65	SP213574	Rèn luyện tư duy trong dạy học môn Toán ở tiểu học	2	2	0	0		
66	SP213072	Sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực ở trường TH	2	2	0	0		
Tổng			41	25.5	15.5	41	6	

2.4.3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm (13 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số TC LT	Số TC TH	BB	TC	Mã HP tiền quyết/học trước
67	SP213544	Rèn luyện NVSP TX 1	1	0	1	1	0	
68	SP213545	Rèn luyện NVSP TX 2	1	0	1	1	0	SP213544
69	SP213073	Giao tiếp sư phạm ở trường tiểu học	1	0	1	1	0	
70	SP213031	Thực hành kỹ năng SP	1	0	1	1	0	
71	SP213185	PP công tác đội TNTPHCM	2	1	1	2	0	
72	SP213502	Kiến tập sư phạm	2	0	2	2	0	SP213545
73	SP213503	Thực tập sư phạm	5	0	5	5	0	SP213502
Tổng cộng			13	1	12	12		

2.4.4. Khóa luận tốt nghiệp (hoặc chuyên đề thay thế: 7 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số TC LT	Số TC TH	BB	TC	Mã HP tiền quyết
74	SP215030	Khóa luận tốt nghiệp (đủ điều kiện)	7	0	7	0	7	
75	SP215031	Chuyên đề tốt nghiệp (không đủ điều kiện)	3	0	3	0	3	

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số TC LT	Số TC TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
SV làm chuyên đề tốt nghiệp phải tích lũy thêm 4TC từ 2 HP tự chọn sau:								
76	SP213189	Dạy học toán tính tuổi cho học sinh tiểu học	2	0	2	0	Chọn 4TC trong 10TC	
77	SP213190	Dạy học toán chuyên động đều cho học sinh tiểu học	2	0	2	0		
78	SP213187	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học các môn học ở trường tiểu học	2	0	02	0		
79	SP213188	Dạy học Tiếng Việt cho HS người dân tộc thiểu số	2	0	2	0		
80	SP213186	Giáo dục STEM ở trường tiểu học	2	0	2	0		
Tổng cộng			7	0	0	0	7	

3. Kế hoạch giảng dạy

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
Học kỳ 1					
1	SP211002	Dẫn luận ngôn ngữ	2	2	0
2	SP212020	Văn học thiếu nhi	2	2	0
2	SP212202	Tâm lí học tiểu học	3	3	0
3	SP212564	Toán học 1	2	2	0
4	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0
5	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
6	SP211032	Thế dục cơ bản và Điện kinh	1	0	1
	SP211039	Cờ vua 1	1	0	
Học phần thay thế học phần ngoại ngữ đối với sinh viên nước ngoài					
7	SP211101	Ngữ âm tiếng Việt	3	3	0
Tổng :			16	15	1
Học kỳ 2					
1	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
2	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0
3	SP211025	Giáo dục học tiểu học	3	3	0
4	SP211502	Tiếng Việt 1	2	2	0
5	SP211003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	0	2

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
	SP211018	Đại cương văn hóa các DTTS Tây Nguyên	2	0	
6	KC211027	Tin học đại cương	2	0	2
	SP211031	Thống kê trong KHGD	2	0	
7	SP212204	Nhập môn giáo dục tiểu học	2	2	0
8	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1
	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	
	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	
	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	
	SP211040	Cờ vua 2	1	0	
Học phần thay thế học phần ngoại ngữ đối với sinh viên nước ngoài					
9	SP211102	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	3	3	0
Tổng :			17	12	5
Học kỳ 3					
1	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
2	SP213544	Rèn luyện NVSP TX 1	1	1	0
3	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0
4	KC211026	Khoa học môi trường	2	0	2
	KC211030	Sinh lí học trẻ em	2	0	
5	SP212565	Toán học 2	2	2	0
6	SP212022	Cơ sở Tự nhiên & Xã hội 1	2	2	0
7	SP213042	Giáo dục hòa nhập	2	2	0
8	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0
9	QP211006	Công tác quốc phòng và An ninh	2	2	0
10	QP211012	Quân sự chung	1	1	0
11	QP211013	Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	2	0
12	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1
	SP211037	Teakwondo cơ bản	1	0	
	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	

	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	
	SP211041	Cờ vua 3	1	0	
Học phần thay thế học phần ngoại ngữ đối với sinh viên nước ngoài					
13	SP211103	Ngữ pháp tiếng Việt	3	3	0
Tổng :			22	21	1
Học kỳ 4					
1	SP213545	Rèn luyện NVSP TX 2	1	1	0
2	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0
3	SP212506	Cơ sở Tự nhiên & Xã hội 2	2	2	0
4	SP213192	Phát triển chương trình tiểu học	2	2	0
5	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6	SP211503	Tiếng Việt 2	2	2	0
7	SP212566	Toán học 3	2	2	0
8	KT213007	Khởi nghiệp	2	2	0
9	SP211006	Xã hội học đại cương	2	0	2
	SP211009	Nhân học đại cương	2	0	
	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	0	
Học phần thay thế học phần ngoại ngữ đối với sinh viên nước ngoài					
10	SP211104	Phong cách học tiếng Việt	3	3	0
Tổng :			18	16	2
Học kỳ 5					
1	SP213075	Âm nhạc và phương pháp dạy học	2	2	0
2	SP213074	Mĩ thuật và phương pháp dạy học	2	2	0
3	SP213064	PPDH Tự nhiên - Xã hội	2	2	0
4	SP213073	Giao tiếp sư phạm ở trường tiểu học	1	1	0
5	SP213502	Kiến tập sư phạm	2	2	0
6	SP213072	Sử dụng các kĩ thuật dạy học tích cực ở trường TH	2	2	0
7	SP212205	Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học	2	2	0
8	KT212202	Kĩ năng mềm	2	2	0

9	SP213526	Thế dục & PPDH	2	2	0
Học phần thay thế học phần ngoại ngữ đối với sinh viên nước ngoài					
10	SP211105	Tiếng Việt nâng cao	2	2	0
Tổng :			17	17	0
Học kỳ 6					
1	SP213522	Đạo đức và phương pháp dạy học	2	2	0
2	SP212203	Phương pháp nghiên cứu khoa học GD	2	2	0
3	SP213181	Phương pháp dạy học tiếng Việt 1	3	3	0
4	SP213183	Phương pháp dạy học Toán 1	3	3	0
5	SP214552	Thực tế chuyên ngành	1	1	0
6	SP213067	Dạy học tích hợp ở trường tiểu học	2	2	0
7	ML211033	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0
8	SP213185	PP công tác đội TNTPHCM	2	2	0
9	SP213543	Lịch sử - Địa lí & Phương pháp dạy học	2	2	0
Học phần thay thế học phần ngoại ngữ đối với sinh viên nước ngoài					
10	SP211106	Văn hóa Việt Nam	3	3	0
11	SP211107	Lịch sử Việt Nam	3	3	0
Tổng :			18	18	0
Học kỳ 1					
1	SP211005	Quản lý HCNN và QLGDĐT	1	1	0
2	SP213182	Phương pháp dạy học tiếng Việt 2	3	3	0
3	SP213184	Phương pháp dạy học toán 2	3	3	0
4	SP213191	Đánh giá năng lực học sinh tiểu học	2	2	0
5	SP213065	Khoa học và PPDH môn khoa học	2	2	0
6	SP213583	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường TH	2	2	0
7	SP213068	Dạy học Tiếng Việt theo định hướng giao tiếp	2	0	2
	SP213069	Dạy học hội thoại cho học sinh tiểu học	2	0	
	SP213193	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Tiếng Việt ở tiểu học	2	0	

8	SP213582	Công nghệ và PP dạy học	2	2	0
9	SP213031	Thực hành kỹ năng sư phạm	1	1	0
10	SP213194	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở tiểu học	2	0	2
	SP213574	Rèn luyện tư duy trong dạy học môn Toán ở tiểu học	2	0	
Tổng :			20	16	4
Học kỳ 8					
1	SP213503	Thực tập sư phạm	5	5	0
2	SP215030	Khóa luận tốt nghiệp (đủ điều kiện)	7	0	7
3	SP215031	Chuyên đề tốt nghiệp (không đủ điều kiện)	3	0	3
4	SP213189	Dạy học toán tính tuổi cho học sinh tiểu học	2	0	4
5	SP213190	Dạy học toán chuyển động đều cho học sinh tiểu học	2	0	
6	SP213187	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học các môn học ở trường tiểu học	2	0	
7	SP213188	Dạy học Tiếng Việt cho HS người dân tộc thiểu số	2	0	
8	SP213186	Giáo dục STEM ở trường tiểu học	2	0	
Tổng :			12	5	7

4. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
1	Lí luận chính trị	3								3		3
2	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)			3						3		3
3	Thống kê trong KHGD									2		2
4	Tin học đại cương			3						3		3
5	Khoa học môi trường									2		2
6	Sinh lí học trẻ em									2		2
7	Giáo dục thể chất				3					3		3
8	Giáo dục quốc phòng				3					3		3
9	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên		3							3		3
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam		3							3		3
11	Dẫn luận ngôn ngữ									2		2
12	Xã hội học đại cương		3							3		3
13	Pháp luật ĐC		1									

14	Văn học thiếu nhi					3			3		3
15	Tiếng Việt 1					3			3		3
16	Tiếng Việt 2					3			3		3
17	Nhập môn GDTH					3			3		3
18	Toán học 1					3			3		3
19	Toán học 2					3			3		3
20	Toán học 3					3			3		3
21	Cơ sở Tự nhiên & Xã hội 1					3			3		3
22	Cơ sở Tự nhiên & Xã hội 2					3			3		3
23	Khởi nghiệp		3						3	3	3
24	Kỹ năng mềm		2						3		3
25	Tâm lý học tiểu học			3					2		3
26	Giáo dục học tiểu học			3					3		3
27	Đánh giá năng lực HSTH										
28	Phương pháp nghiên cứu khoa học					3			2		2
29	Ứng dụng CNTT trong dạy học							3	2		3
30	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý GDĐT		1						2		1
31	Khoa học môi trường		x						x		x
32	PPDH tiếng Việt 1, 2					3		2	3		2
33	Dạy học môn Đạo đức ở tiểu học					3		2	3		2
34	Mĩ thuật và phương pháp dạy học					3		2	3		2
35	Âm nhạc và phương pháp dạy học					3		2	3		2
36	Công nghệ và PP dạy học					3		2	3		2
37	Thể dục và phương pháp dạy học					2		2			3
38	Phát triển chương trình tiểu học					3		2			2
39	Phương pháp dạy học Toán 1					3	1	2	2		
40	Phương pháp dạy học Toán 2										
41	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội					3		3			3
42	Thực tế chuyên ngành					3		3			3
43	Lịch sử - Địa lí & Phương pháp dạy học					2		3			3
44	Khoa học và PPDH môn khoa học					3		3			3
45	Dạy học hội thoại cho học sinh tiểu học					2		2			3
46	Bồi dưỡng học sinh có					3		3			3

	năng khiếu Tiếng Việt ở tiểu học											
47	Đạy học Tiếng Việt theo định hướng giao tiếp					3		3				3
48	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở tiểu học					3		3				3
49	Rèn luyện tư duy khi dạy học môn Toán ở tiểu học					3		3				3
50	Giáo dục tích hợp ở trường tiểu học					3		3				3
51	Sử dụng các kĩ thuật dạy học tích cực ở trường TH					3		3				3
52	Rèn luyện NVSP TX 1					3		3				3
53	Rèn luyện NVSP TX 2					3		3				3
54	Giao tiếp sư phạm ở trường tiểu học					3		3				3
55	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học					3		3				3
56	PP công tác Đội TNTPHCM					3		3				3
57	Thực hành kĩ năng sư phạm					3		3				3
58	Kiên tập sư phạm					3		3				3
59	Thực tập sư phạm					x		x				x
60	Khóa luận tốt nghiệp (đủ điều kiện)					3		3				3
61	Chuyên đề tốt nghiệp (không đủ điều kiện)					x		x				x

5. Mô tả vắn tắt các học phần

5.1. MÃ HỌC PHẦN: ML211030 TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 03; Số tín chỉ thực hành:0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về triết học và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học; chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là sự vận dụng, phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng vào nghiên cứu đời sống xã hội. Từ đó, người học hiểu được cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học và có thể vận dụng sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

5.2. MÃ HỌC PHẦN: ML211031 KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin. Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay. Đây là học phần trang bị những kiến thức cơ bản, nền tảng và có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

5.3. MÃ HỌC PHẦN: ML211032 CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02 ; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

5.4. MÃ HỌC PHẦN: ML211002 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thảo luận: 0,5

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của chương trình đào tạo các ngành đại học, cao đẳng. Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức, con người.

5.5. MÃ HỌC PHẦN: ML211033 LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4. Số tín chỉ thảo luận: 0.6

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-Nay). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học

nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5.6. MÃ HỌC PHẦN: SP211005 QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản lý Hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo các ngành Sư phạm.

Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo; văn bản quản lý hành chính nhà nước; quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; chiến lược phát triển giáo dục; luật giáo dục; luật cán bộ, công chức; luật viên chức; điều lệ nhà trường, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; giáo dục địa phương.

5.7. MÃ HỌC PHẦN: SP211002-51041 DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm những nội dung chính sau đây: Dẫn luận về ngôn ngữ và ngôn ngữ học; ngữ âm học; từ vựng học và ngữ pháp học.

5.8. MÃ HỌC PHẦN: SP213003 CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.5; Số tín chỉ thực hành: 0.5 (ngoại khóa)

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về văn hóa và văn hóa Việt Nam. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về văn hóa; *Điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam; Cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam; Các vùng văn hóa Việt Nam; hệ thống và đặc trưng di sản văn hóa Việt Nam; những giao thoa, tiếp biến của văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập toàn cầu hóa; Cơ sở để người học nhận diện giá trị, vai trò di sản văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.*

5.9. Mã học phần: SP211018 ĐẠI CƯƠNG VĂN HÓA CÁC DTTS TÂY NGUYÊN

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.5; Số tín chỉ thực hành: 0.5 (ngoại khóa)

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần bao gồm: Hệ thống kiến thức về đặc điểm không gian cư trú, thành phần dân cư, sinh kế truyền thống; văn hóa tổ chức xã hội, tổ chức cá nhân; Đặc trưng văn hóa vật thể, phi vật thể của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên và vai trò của nó trong thực tiễn. Bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng thực hành, nhận diện, phát huy giá trị văn hóa Tây Nguyên trong thực tiễn.

5.10. MÃ HỌC PHẦN: SP211006 XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương.

Học phần này gồm có các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lý thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyên biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.

5.11. MÃ HỌC PHẦN: SP211009 NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0.

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Nhân học đại cương thuộc khối kiến thức khoa học xã hội và nhân văn. Trong chương trình đào tạo của các ngành học. Nhân học đại cương được thiết kế ở phần kiến thức khoa học đại cương, được tổ chức giảng dạy vào năm thứ nhất hoặc năm thứ hai của chương trình đào tạo.

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đối tượng, phạm vi, các phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của ngành nhân học; những kiến thức cơ bản về chủng tộc, tộc người, ngôn ngữ, xã hội nguyên thủy, tôn giáo sơ khai; trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản của nghiên cứu nhân học như quan sát tham gia, phỏng vấn, các kỹ năng về mô tả dân tộc học; biết ứng dụng các tri thức và những kỹ năng nghiên cứu nhân học đã học vào học tập, công việc, cuộc sống; có thái độ học tập tích cực, có ý thức hợp tác, cầu thị trong học hỏi nâng cao trình độ kiến thức.

5.12. PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG MÃ HỌC PHẦN: NL211702

Tổng số tín chỉ: 02; *Số tín chỉ lý thuyết:* 02; *Số tín chỉ thực hành:* 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật Việt Nam đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Thêm vào đó khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như: ngành luật Hiến pháp; luật hành chính; luật dân sự và tố tụng dân sự; luật hình sự và tố tụng hình sự; luật hôn nhân và gia đình; luật phòng, chống tham nhũng. Sinh viên vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống.

Các nội dung cụ thể bao gồm:

- Những vấn đề cơ bản về nhà nước;
- Những vấn đề cơ bản về pháp luật;
- Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật;
- Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;
- Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Hiến pháp; Luật Dân sự; Luật Hình sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phòng, chống tham nhũng...

5.13. MÃ HỌC PHẦN: KT213007 KHỞI NGHIỆP

Tổng số tín chỉ: 02; *Số tín chỉ lý thuyết:* 1.5; *Số tín chỉ thực hành:* 0.5

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp từ đó hỗ trợ định hướng cho sinh viên lựa chọn nghề nghiệp và sáng tạo giá trị, giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.

5.14. MÃ HỌC PHẦN: KT212202 KỸ NĂNG MỀM

Tổng số tín chỉ: 02 ; *Số tín chỉ lý thuyết:* 02 ; *Số tín chỉ thực hành:* 00

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học của tất cả các ngành tại Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần này có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển

chung của thời đại.

Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn, góp phần đáp ứng được yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chương trình đào tạo của ngành.

5.15. MÃ HỌC PHẦN: FL211011 TIẾNG ANH 1

Tổng số tín chỉ: 3; *Số tín chỉ lý thuyết:* 3; *Số tín chỉ thực hành:* 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.

5.16. Mã học phần: FL211021 TIẾNG ANH 2

Tổng số tín chỉ: 3; *Số tín chỉ lý thuyết:* 3; *Số tín chỉ thực hành:* 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 2 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, nói, đọc và viết về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các hoạt động và trải nghiệm trong kỳ nghỉ, việc đi lại, phương tiện giao thông, ngoại hình và sức khỏe con người, các thể loại phim, các dự định và kế hoạch trong cuộc sống, sinh tồn trong một số trường hợp nguy hiểm); từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng Tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.

5.17. MÃ HỌC PHẦN: FL211013 TIẾNG ANH 3

Tổng số tín chỉ: 3; *Số tín chỉ lý thuyết:* 3; *Số tín chỉ thực hành:* 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

5.18. MÃ HỌC PHẦN: FL211014 TIẾNG ANH

Tổng số tín chỉ: 3; *Số tín chỉ lý thuyết:* 3; *Số tín chỉ thực hành:* 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên

tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, đọc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

5.19. MÃ HỌC PHẦN: SP211101 NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 03; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Ngữ âm tiếng Việt* cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Việt: chính âm và chính tả tiếng Việt (bao gồm các quan niệm về chính âm, lí do ra đời chính âm, sự phân vùng phương ngữ trong tiếng Việt, hiện tượng lệch chuẩn ngữ âm và cách khắc phục; khái niệm chính tả và một số quy định về chuẩn hóa chính tả hiện nay), âm tiết tiếng Việt (phân tích các khái niệm âm tiết, đặc điểm của âm tiết và cách phân loại các âm tiết), âm vị tiếng Việt (bao gồm hệ thống kí hiệu âm vị tiếng Việt và miêu tả âm vị tiếng Việt).

Đồng thời, môn học cũng trang bị cho người học kĩ năng và phương pháp phân tích cấu trúc âm thanh của từng âm tiết trong tiếng Việt, luyện chính âm, luyện đọc, ... Với kiến thức học được, người có thể vận dụng vào thực tiễn để học tiếng Việt có hiệu quả.

5.20. MÃ HỌC PHẦN: SP211102 TỪ VỰNG NGỮ NGHĨA TIẾNG VIỆT

Tổng số tín chỉ: 03 ; Số tín chỉ lý thuyết: 03; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt* thuộc khối kiến thức chuyên sâu về tiếng Việt. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết nền tảng của từ vựng – ngữ nghĩa nói chung. Trong đó, chú trọng những vấn đề từ vựng ngữ nghĩa của tiếng Việt với những mối liên hệ, tương tác và phạm trù phức tạp của nó. Qua đó, rèn luyện kĩ năng phân tích các hiện tượng từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt và năng lực vận dụng chúng trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ và giao tiếp.

5.21. MÃ HỌC PHẦN: SP211103 NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Ngữ pháp tiếng Việt trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, ngữ pháp học, từ pháp học, cú pháp học và ngữ pháp học văn bản. Ngoài ra, học phần còn giúp người học rèn luyện khả năng dùng từ, câu đúng ngữ pháp tiếng Việt.

5.22. MÃ HỌC PHẦN: SP211104 PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 03; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Phong cách học tiếng Việt thuộc khối kiến thức chuyên sâu về tiếng Việt. Học phần này cung cấp cho sinh viên (SV) các kiến thức cơ bản về phong cách học (lịch sử nghiên cứu phong cách học, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu...), cách phân chia các phong cách chức năng trong ngôn ngữ nói chung và trong tiếng Việt nói riêng (cơ sở phân chia, các tiêu chí phân chia), hoạt động của các phong cách chức năng (PCCN) trong tiếng Việt

(phong cách khẩu ngữ, phong cách hành chính, phong cách báo chí, phong cách khoa học...), giá trị phong cách của các đơn vị ngôn ngữ trong tiếng Việt nói riêng, các biện pháp tu từ trong tiếng Việt. Đồng thời học phần cũng trang bị cho SV các kỹ năng và phương pháp phân tích văn bản thuộc một phong cách chức năng nhất định. Với các kiến thức học được, SV có thể vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập tiếng Việt và ngoại ngữ.

5.23. MÃ HỌC PHẦN: SP211031 THỐNG KÊ TRONG KHOA HỌC GIÁO DỤC

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0.

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thống kê trong khoa học giáo dục là học phần tự chọn tuy nhiên học phần có vai trò quan trọng đối với các ngành đào tạo về lĩnh vực giáo dục. Tuy thời lượng chỉ 2 tín chỉ (LT) nhưng học phần có vai trò rất quan trọng và cần thiết trong việc đào tạo giáo viên kỹ năng thống kê phục vụ cho việc nghiên cứu các lĩnh vực khoa học giáo dục. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong sử dụng thống kê phục vụ cho nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục, được trình bày làm 4 chương. Cụ thể học phần cung cấp cho sinh viên khái niệm căn bản trong nghiên cứu và thống kê; thu thập dữ liệu thống kê; tóm tắt và trình bày dữ liệu; các số thống kê thông dụng; các hệ số tương quan; hồi qui tuyến tính; kiểm định về tham số tổng thể; phân tích phương sai một yếu tố và kiểm định. Từ đó sinh viên vận dụng các kiến thức học phần vào nghiên cứu khoa học. Đây là học phần nền tảng cho sinh viên khi thực hiện các học phần khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp trước khi ra trường.

5.24. MÃ HỌC PHẦN: KC211027 TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 01 ; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành.

Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, xử lý bảng tính với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần bổ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.

5.25. MÃ HỌC PHẦN: KC211030 SINH LÝ HỌC TRẺ EM

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của trẻ em lứa tuổi mầm non, đầu tuổi học như đặc điểm cấu tạo, chức năng của các hệ vận động, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ tiêu hóa, hệ sinh dục... Trên cơ sở đó phân tích các đặc điểm sinh trưởng, phát triển, biến đổi tâm lý, sinh lý của trẻ qua các giai đoạn; đề xuất các biện pháp nuôi dạy trẻ một cách khoa học để trẻ có thể phát triển toàn diện các mặt về đức, trí, thể, mỹ.

5.26. MÃ HỌC PHẦN: KC211026 KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

Tổng số tín chỉ: 2 TC; Số tín chỉ lý thuyết: 2TC (Lý thuyết: 24,0 tiết; Thảo luận/ Semina: 12 tiết); Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường sống của con người; cấu trúc, chức năng của hệ sinh thái và sự vận dụng các nguyên lý sinh thái học vào môi trường; những tác động của con người đến môi trường; các loại tài nguyên

thiên nhiên; các dạng ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường, xung đột môi trường; sự chuyển cư và đô thị hóa; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Các kiến thức cung cấp trong học phần có liên quan nhiều đến kiến thức của các học phần: Sinh thái học, Dân số học, Môi trường và con người; là cơ sở quan trọng cho việc giảng dạy các kiến thức về Sinh quyển và Bảo vệ môi trường trong chương trình Sinh học ở trường Trung học phổ thông và là cơ sở để tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm Sinh học về môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên.

5.27. MÃ HỌC PHẦN: SP211032 THỂ DỤC CƠ BẢN VÀ ĐIỀN KINH

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc trong chương trình môn học GDTC dành cho SV không chuyên ngành Giáo dục thể chất của Trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần cung cấp kiến thức các tư thế cơ bản khi thực hiện bài tập, kỹ thuật cơ bản của môn điền kinh và một số bài tập phát triển thể lực.

5.28. MÃ HỌC PHẦN: SP211042 BÓNG BÀN CƠ BẢN

Tổng số tín chỉ: 1 ; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 1.

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bóng bàn là môn học thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ Đại học của trường Đại học Tây Nguyên.

Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về môn Bóng bàn. Giúp sinh viên rèn luyện sức khỏe phát triển thể lực chung.

5.29. MÃ HỌC PHẦN: SP211033 BÓNG CHUYỀN CƠ BẢN (TC1)

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bóng chuyền là môn học thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ Đại học của trường Đại học Tây Nguyên.

Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về môn Bóng chuyền. Giúp sinh viên rèn luyện sức khỏe sau giờ học lý thuyết

5.30. MÃ HỌC PHẦN: SP211034 BƠI LỢI CƠ BẢN (TỰ CHỌN 1)

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bơi lội là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cho sinh viên có trình độ đại học, được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, phát triển thể chất giúp sinh viên học tập và nghiên cứu khoa học đạt kết quả cao hơn.

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được hệ thống kiến thức cơ bản kỹ thuật bơi ếch. Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết và nhận thức về môn bơi lội để tự rèn luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước.

Trong quá trình học tập và rèn luyện bơi lội còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong của người học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.

5.31. MÃ HỌC PHẦN: SP211035 CẦU LÔNG CƠ BẢN (TỰ CHỌN 1)

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản của môn cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất

cho thể hệ trẻ.

Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.

5.32. MÃ HỌC PHẦN: SP213016 THỂ DỤC NHỊP ĐIỆU

Tổng số tín chỉ: 1 TC; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó.

Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của môn khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe.

Thể dục Aerobic không chỉ là một môn nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một môn thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.

5.33. TAEKWONDO CƠ BẢN MÃ HỌC PHẦN: SP213037

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Taekwondo là môn thể thao phát triển toàn diện sử dụng cả chân lẫn tay. Môn học Taekwondo được đưa vào giảng dạy tại trường Đại học Cần Thơ từ năm 1993, Việc đổi mới, bổ sung, cập nhật các nội dung mới, các thay đổi trong môn học là việc làm thường xuyên của bộ môn giáo dục thể chất, nhằm đáp ứng kịp thời những yêu cầu, những thay đổi phù hợp trong sự phát triển của môn Taekwondo ở Việt Nam và thế giới. Học phần Taekwondo là học phần căn bản khi sinh viên mới tiếp cận môn võ taekwondo, các nội dung được thiết kế phù hợp cho người mới học.

5.34. MÃ HỌC PHẦN: SP211038 BÓNG ĐÁ CƠ BẢN (TỰ CHỌN 2)

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bóng đá là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cho sinh viên có trình độ đại học, được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, phát triển thể chất giúp sinh viên học tập và nghiên cứu khoa học đạt kết quả cao hơn.

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá. Thực hiện đúng kỹ thuật cơ bản bóng đá phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất.

Trong quá trình học tập rèn luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong của người học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.

5.35. MÃ HỌC PHẦN: SP211033 BÓNG RỔ CƠ BẢN (TỰ CHỌN 3)

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần: (ít nhất 150 từ)

Bóng rổ là môn học thuộc nhóm môn chuyên ngành giáo dục thể chất trong chương trình đào tạo hệ Đại học của trường Đại học Tây Nguyên.

Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương

pháp giảng dạy môn Bóng rổ, phương pháp trọng tài, phương pháp biên soạn và kiểm tra đánh giá kết quả môn học.

Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông, bắt trọng tài ở các giải phong trào, bên cạnh đó môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...

9.35.5. Phương pháp đánh giá học phần

Đánh giá điểm bộ phận (*Trọng số điểm bộ phận là 30%*); Điểm thi kết thúc học phần (*Trọng số thi kết thúc học phần là 70%, Thi thực hành.*)

5.36. MÃ HỌC PHẦN: SP 211039 CỜ VUA 1

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01.

Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần Cờ vua 1 là học phần trong chương trình môn học GDTC có khối lượng 01 tín chỉ, dành cho Sinh viên có sức khỏe kém, khuyết tật nằm trong danh sách kết luận của Hội đồng khám sức khỏe cho sinh viên của Trường Đại học Tây Nguyên. Thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản về Cờ vua.

5.37. MÃ HỌC PHẦN: SP 211040 CỜ VUA 2

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01.

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Cờ vua 2 là học phần trong chương trình môn học GDTC học phần tự chọn 1: 01 tín chỉ, dành cho Sinh viên có sức khỏe kém, khuyết tật nằm trong danh sách kết luận của Hội đồng khám sức khỏe cho sinh viên của Trường Đại học Tây Nguyên. Thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản về Cờ vua.

5.38. MÃ HỌC PHẦN: SP 211041 CỜ VUA 3

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01.

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Cờ vua 3 là học phần trong chương trình môn học GDTC học phần tự chọn 2: 01 tín chỉ, dành cho Sinh viên có sức khỏe kém, khuyết tật nằm trong danh sách kết luận của Hội đồng khám sức khỏe cho sinh viên của Trường Đại học Tây Nguyên. Thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản về Cờ vua.

5.39. ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM MÃ HỌC PHẦN: QP211011

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thảo luận: 0.

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức lý luận cơ bản tiền đề, làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.

5.40. MÃ HỌC PHẦN: QP211006 CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thảo luận: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng,

Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

5.41. QUẢN SỰ CHUNG, QP211012

Số tín chỉ: 01 TC (0.7/0.3)

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa.

Học phần Quản sự chung là một nội dung trong chương trình môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quân sự, như: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần của Quân đội Nhân dân Việt nam; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ Quân đội Nhân dân Việt nam; bản đồ địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội Nhân dân Việt Nam; huấn luyện những nội dung cơ bản về quy tắc, điều lệ và luyện tập 3 môn quân sự phối hợp làm cơ sở thuận lợi cho sinh viên rèn luyện thân thể hoặc hội thao quốc phòng đạt kết quả cao. Từ đó, sinh viên có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an và động viên quốc phòng.

5.42. Mã học phần:QP211013 KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT

Số tín chỉ: 02 TC (0.0/2.0)

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa.

Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: tác dụng, tính năng chiến đấu, số liệu kỹ thuật, cấu tạo một số loại lựu đạn Việt nam, kỹ thuật sử dụng lựu đạn trong chiến đấu; trang bị về phương pháp ngắm bắn các loại mục tiêu, tư thế động tác đứng, quỳ, nằm bắn súng tiểu liên AK; giới thiệu cho người học về đặc điểm âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến đấu và hành động từng người đánh địch trong chiến đấu tiến công, trong chiến đấu phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới). Từ đó, sinh viên có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an và động viên quốc phòng.

5.43. Mã học phần: SP211106 VĂN HÓA VIỆT NAM

Số tín chỉ: Số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 03; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt học phần

Cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về văn hóa và văn hóa Việt Nam. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về văn hóa; *Điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam; Cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa*

truyền thống Việt Nam; Các vùng văn hóa Việt Nam; hệ thống và đặc trưng di sản văn hóa Việt Nam; những giao thoa, tiếp biến của văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập toàn cầu hóa; Cơ sở để người học nhận diện giá trị, vai trò di sản văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

5.44. Mã học phần: SP211107 LỊCH SỬ VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Lịch sử Việt Nam là học phần dành cho sinh viên người nước ngoài. Đây là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương.

Học phần Lịch sử Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống các giai đoạn phát triển của Lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến thời đại dựng nước, thời Bắc thuộc, thời phong kiến, thời cận đại và từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay; giúp người học có được những hiểu biết cơ bản về lịch sử và văn hóa Việt Nam. Học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tư duy lịch sử, kỹ năng thực hành lịch sử.

5.45. MÃ HỌC PHẦN: SP211105 TIẾNG VIỆT NÂNG CAO

Số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành:0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần *Tiếng Việt nâng cao* là học phần dành cho sinh viên nước ngoài. Trên cơ sở hệ thống lại nhằm củng cố những kiến thức cơ bản của tiếng Việt, học phần chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng tiếng Việt của học viên qua việc rèn luyện, vận dụng lý thuyết vào thực hành bài tập, liên hệ việc vận dụng tiếng Việt trong thực tế qua các nội dung: từ tiếng Việt, câu tiếng Việt, chính tả tiếng Việt, đoạn văn và văn bản tiếng Việt. Bên cạnh đó, học phần còn chú trọng người học tìm hiểu một số hiện tượng thú vị trong tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng sử dụng tiếng Việt đồng thời giúp người học cảm nhận được cái hay, cái đẹp của tiếng Việt. Qua đó, tạo động lực, niềm say mê, yêu thích và hứng thú với việc học tiếng Việt, góp phần cung cấp cho người học công cụ vô cùng quan trọng để giao tiếp bằng tiếng Việt và lĩnh hội các tri thức khoa học, khắc phục hiệu quả rào cản ngôn ngữ. Mục tiêu quan trọng hơn nữa đó là giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết. Học phần có kết cấu 4 chương: *Từ tiếng Việt, Câu tiếng Việt, Quy tắc chính tả của tiếng Việt, Đoạn văn và văn bản tiếng Việt.*

5.46. Mã học phần: SP212020 VĂN HỌC THIẾU NHI

Số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Khái quát những kiến thức cơ bản về Văn học thiếu nhi, bao gồm hệ thống văn học dân gian thiếu nhi và văn học viết cho thiếu nhi. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học thiếu nhi.

Vị trí học phần: Học phần bắt buộc.

Kiến thức trang bị cho sinh viên: Chương trình của học phần cung cấp kiến thức về văn học cho thiếu nhi, bao gồm hệ thống văn học dân gian thiếu nhi và văn học viết cho thiếu nhi. Cung cấp những hiểu biết cơ bản về đặc trưng và đặc điểm thể loại, quá trình phát triển và những thành tựu của văn học thiếu nhi.

Quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo: Bổ sung kiến thức cho

sinh viên về văn học thiếu nhi để hoàn thiện tri thức cho sinh viên.

5.47. Mã học phần: SP212204 NHẬP MÔN GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần *Nhập môn giáo dục tiểu học* là một trong số các học phần của khối kiến thức khoa học giáo dục của Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học. Học phần giúp người học nhận diện tổng quan về nghề nghiệp và ngành học. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự và làm chủ quá trình học tập của bản thân.

5.48 MÃ HỌC PHẦN: SP213586 TIẾNG VIỆT 1

Số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

- *Ngữ âm tiếng Việt* cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Việt: chính âm tiếng Việt, âm tiết tiếng Việt, các loại âm vị tiếng Việt, các hiện tượng ngôn điệu tiếng Việt, các biểu hiện của ngữ âm tiếng Việt trong thực tế đời sống.

- *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt* cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết nền tảng của từ vựng – ngữ nghĩa nói chung, những vấn đề từ vựng - ngữ nghĩa của tiếng Việt nói riêng.

Học phần giúp sinh viên có kiến thức cơ sở về ngữ âm và từ vựng - ngữ nghĩa để giảng dạy môn tiếng Việt ở bậc tiểu học sau khi tốt nghiệp, cũng như ứng dụng chúng trong giao tiếp, trong học tập và nghiên cứu.

5.49. Mã học phần: SP211503 TIẾNG VIỆT 2

Số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần *Tiếng Việt 2* trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, ngữ pháp học, từ pháp học, cú pháp học và ngữ pháp học văn bản. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên rèn luyện khả năng dùng từ, câu đúng ngữ pháp.

5.50. MÃ HỌC PHẦN: SP212564 TOÁN HỌC 1

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần trình cung cấp cho sinh viên các nội dung về lý thuyết tập hợp (*biểu diễn tập hợp, các phép toán, ...*) và logic Toán (*mệnh đề, các phép toán logic, ...*). Đây là học phần tiên quyết để sinh viên học các học phần liên quan đến môn Toán trong chương trình đào tạo chuyên ngành Giáo dục Tiểu học.

5.51. MÃ HỌC PHẦN: SP212006 TOÁN HỌC 2

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Toán học 2 cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học những kiến thức cơ bản về Đại số và lý thuyết số như cấu trúc đại số, các tập hợp số và lý thuyết chia hết trên tập các số nguyên. Nội dung về cấu trúc đại số gồm phép toán hai ngôi trên một tập hợp, nhóm, vành và trường. Đây là công cụ để xây dựng các tập hợp số. Nội dung về số học gồm tập các số tự nhiên, tập các số hữu tỷ không âm, tập các số hữu tỷ và tập các số nguyên. Những tập hợp số này đóng vai trò quan trọng trong chương trình môn Toán ở bậc Tiểu học. Nội dung về lý thuyết số gồm quan hệ chia hết trên tập hợp các số nguyên, định lý về phép chia có dư, ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất và số nguyên tố.

Thông qua việc học lý thuyết số sinh viên có thể giảng dạy tốt các dạng toán về số học trong chương trình Toán ở Tiểu học.

5.52. MÃ HỌC PHẦN: SP212566 TOÁN HỌC 3

Số tín chỉ: 2; *Số tín chỉ lý thuyết:* 2; *Số tín chỉ thực hành:* 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung về cơ sở Hình học và hình học sơ cấp, những kiến thức hình học được trình bày ở Toán phổ thông, đặc biệt các yếu tố hình học; Những nội dung về bản của đại lượng và phép đo đại lượng (*Thời gian, khối lượng, dung tích, vận tốc, tiền Việt Nam, độ dài, diện tích, thể tích*).

5.53. MÃ HỌC PHẦN: SP212022 CƠ SỞ TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1

Số tín chỉ: 02; *Số tín chỉ lý thuyết:* 02; *Số tín chỉ thực hành:* 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Cơ sở Tự nhiên và xã hội 1 là môn học bắt buộc trong Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học. Học phần này thuộc khối kiến thức khoa học đại cương được thiết kế tổ chức giảng dạy vào năm thứ nhất.

Học phần gồm có 5 nội dung chính ở các lĩnh vực: thực vật, động vật, con người và sức khỏe, đặc điểm địa lí tự nhiên và xã hội của thế giới và Việt Nam; tiến trình lịch sử Việt Nam từ khi dựng nước đến nay. Môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản ở 5 lĩnh vực trên và làm cơ sở để dạy tốt các môn học Tự nhiên và Xã hội, Khoa học ở bậc tiểu học.

5.54. MÃ HỌC PHẦN: SP212506 CƠ SỞ TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

Số tín chỉ: 02; *Số tín chỉ lý thuyết:* 02; *Số tín chỉ thực hành:* 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 2 là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục tiểu học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, nền tảng về: giáo dục sống khỏe mạnh cho học sinh tiểu học; giáo dục kĩ năng sống và rèn luyện một số kĩ năng sống cần thiết cho học sinh tiểu học; tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục sống khỏe mạnh và giáo dục kĩ năng sống trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, môn Khoa học ở tiểu học. Trên cơ sở đó, sinh viên có kĩ năng xác định được những nội dung cũng như cách thức, con đường để thực hiện tích hợp nội dung giáo dục sống khỏe mạnh và giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong quá trình dạy học môn Tự nhiên Xã hội và môn Khoa học ở tiểu học.

5.55. MÃ HỌC PHẦN: SP 211022 TÂM LÝ HỌC TIỂU HỌC

Số tín chỉ: 03; *Số tín chỉ lý thuyết:* 45; *Số tín chỉ thực hành:* 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Tâm lý học tiểu học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong nội dung kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của ngành sư phạm tiểu học.

Học phần này gồm các nội dung cung cấp cho sinh viên ngành sư phạm tiểu học những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học lứa tuổi & tâm lý học sư phạm lứa tuổi tiểu học. Đồng thời, học phần còn giúp sinh viên hiểu được những quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của trẻ em. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của trẻ em lứa tuổi tiểu học để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất.

5.56. MÃ HỌC PHẦN: SP211025 GIÁO DỤC HỌC TIỂU HỌC

Số tín chỉ: 03; *Số tín chỉ lý thuyết:* 45; *Số tín chỉ thực hành:* 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Giáo dục học tiểu học giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục học, những vấn đề cơ bản của giáo dục học, lý luận dạy học ở tiểu học, lý luận giáo dục ở tiểu học. Giáo dục học tiểu học còn là sự khái quát những lý luận về công tác dạy học, giáo dục học sinh tiểu học, thực tiễn và quá trình tổ chức các hoạt động, dạy học và giáo dục học sinh tiểu học.

Bên cạnh đó, giáo dục học tiểu học còn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng để có thể tiếp tục học các học phần thực hành kỹ năng nghề ở trường tiểu học. Vì vậy, giáo dục học tiểu học được xem là học phần là cơ sở của một số học phần, trong đó có các học phần giáo học pháp bộ môn.

5.57. MÃ HỌC PHẦN: SP213042 GIÁO DỤC HÒA NHẬP

Số tín chỉ: 2; *Số tín chỉ lý thuyết:* 2; *Số tín chỉ thực hành:* 0.

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Giáo dục hòa nhập (GDHN) là học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, nằm trong nội dung kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản của giáo dục hòa nhập: Khái niệm giáo dục hòa nhập, Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu giáo dục hòa nhập, tính tất yếu phải giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học; Nhận diện, phân loại HS khuyết tật; Dạy học hòa nhập: Nội dung, yêu cầu điều chỉnh trong dạy học hòa nhập, thiết kế và thực hiện bài học hòa nhập, đánh giá kết quả học hòa nhập; Tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập: Nội dung hỗ trợ giáo dục hòa nhập; Lực lượng hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

5.58. MÃ HỌC PHẦN: SP212203 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Số tín chỉ: 2; *Số tín chỉ lý thuyết:* 2; *Số tín chỉ thực hành:* 0.

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học.

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về: *Nghiên cứu khoa học giáo dục* (khoa học, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học giáo dục); *Logic và các bước tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục* (lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài, xác định mục tiêu nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, xây dựng giả thuyết nghiên cứu, nêu các luận cứ để chứng minh giả thuyết, lập chương trình và kế hoạch nghiên cứu, lựa chọn các phương pháp và kỹ thuật chứng minh giả thuyết; tiến hành triển khai các phương pháp và kỹ thuật thu thập thông tin, xử lý thông tin và viết báo cáo khoa học); *Đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục* (tiêu chí để đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục, phương pháp đánh giá công trình khoa học giáo dục); và *kỹ năng trình bày và truyền đạt thông tin* (phần mềm hỗ trợ trình bày thông tin, cách trình bày thông tin trên phần mềm, trình bày nội dung trước hội đồng, thỉnh giả).

5.59. MÃ HỌC PHẦN: SP213187 DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

Số tín chỉ: 02; *Số tín chỉ lý thuyết:* 02; *Số tín chỉ thực hành:* 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần dành cho sinh viên năm thứ 4, sau khi học xong các học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1, 2. Học phần hình thành cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học cho đối tượng học sinh người dân tộc thiểu số theo định hướng phát triển năng lực, được trình bày làm 3 chương. Mỗi chương sẽ trình bày các kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.

5.60. MÃ HỌC PHẦN: SP212504 ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC

Số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 1; Số tín chỉ thực hành: 1

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học những kiến thức cơ bản về các phương tiện dạy học, kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học các môn học ở trường tiểu học. Nội dung của học phần gồm 2 phần: Phần 1 giới thiệu chung về các phương tiện dạy học ở trường tiểu học, phần thứ hai giới thiệu phần mềm powerpoint và các phần mềm khác hỗ trợ việc thiết kế giáo án điện tử ở trường tiểu học và tổ chức dạy học với sự tham gia của công nghệ thông tin.

5.61. Mã học phần: SP212030 ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH TIỂU HỌC

Số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần “**Đánh giá năng lực học sinh tiểu học**” là học phần bắt buộc, được dùng cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về đánh giá kết quả giáo dục học sinh ở trường Tiểu học. Qua học phần, giúp sinh viên có kiến thức về phương pháp, hình thức, các công cụ đánh giá và cách thực hiện hoạt động đánh giá năng lực học sinh tiểu học.

5.62. Mã học phần: SP213181 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC 1

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần dành cho sinh viên năm thứ 3, sau khi học xong các học phần Tiếng Việt 1, 2. Học phần hình thành cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học, được trình bày làm 2 phần. Phần 1: Những vấn đề lý luận chung về dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học; Phần 2: Phương pháp dạy học kiến thức và kỹ năng cụ thể trong môn Tiếng Việt (chương 1 phần phương pháp dạy học kỹ năng đọc trong môn Tiếng Việt. Mỗi phần sẽ trình bày các kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học và cách thức tiến hành thực hành dạy học các nội dung tương ứng trong môn Tiếng Việt ở tiểu học.

5.63. MÃ HỌC PHẦN: SP213182 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC 2

Số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần dành cho sinh viên năm thứ 4, sau khi học xong các học phần Tiếng Việt 1, 2 và Học phần phương pháp dạy học Tiếng Việt 1. Đây là học phần tiếp nối của học phần phương pháp dạy học Tiếng Việt, tập trung vào nội dung phương pháp dạy học kiến thức và kỹ năng cụ thể trong môn Tiếng Việt. Học phần hình thành cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình dạy và học các kiến thức và kỹ năng của môn Tiếng Việt ở tiểu học,

được trình bày làm 3 chương. Mỗi chương sẽ trình bày các kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học kiến thức Tiếng Việt và phương pháp dạy học các kỹ năng trong môn Tiếng Việt ở tiểu học. Chương 1: Phương pháp dạy học kỹ năng viết trong môn Tiếng Việt; Chương 2: Phương pháp dạy học kỹ năng nghe - nói trong môn Tiếng Việt; Chương 3: Phương pháp dạy học kiến thức tiếng Việt.

5.64. MÃ HỌC PHẦN: SP212401 MĨ THUẬT VÀ PP DẠY HỌC

Số tín chỉ: 02; *Số tín chỉ lý thuyết:* 01; *Số tín chỉ thực hành:* 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Mĩ thuật và phương pháp dạy học là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về nghệ thuật nói chung và nghệ thuật tạo hình nói riêng bao gồm: các khái niệm cơ bản về nghệ thuật nói chung và nghệ thuật tạo hình nói riêng, các kiến thức, các kỹ năng về: Vẽ; Nặn; Xé - Cắt dán cũng như các nguyên tắc, phương pháp để người học có thể vận dụng giải quyết các bài tập thực hành tạo ra sản phẩm. Các kiến thức về phương pháp giảng dạy của phân môn và vận dụng được các phương pháp đó vào việc tổ chức giảng dạy mỹ thuật ở trường tiểu học, từ đó biết yêu quý, trân trọng, gìn giữ và bảo vệ cái đẹp trong nghệ thuật cũng như trong cuộc sống hàng ngày.

5.65. MÃ HỌC PHẦN: SP213502 KIẾN TẬP SỰ PHẠM

Tổng số tín chỉ: 02; *Số tín chỉ lý thuyết:* 0; *Số tín chỉ thực hành:* 02

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Kiến tập sự phạm (KTSP) là học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, nằm trong nội dung kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần “Kiến tập sự phạm” được thiết kế cho sinh viên các chuyên ngành Sư phạm, là điều kiện để sinh viên so sánh, kiểm nghiệm giữa lý thuyết với thực tiễn. Học phần nhằm giúp cho sinh viên có cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp qua quan sát tìm hiểu thực tế về Nhà trường, giáo viên, học sinh (HS); Dự giờ, quan sát lớp học thực tế, các hoạt động dạy học và hoạt động chủ nhiệm của giáo viên; nắm bắt thông tin các loại hình kiểm tra kết quả học tập của học sinh cũng như đánh giá hoạt động của giáo viên và sinh viên trong lớp học thực tế. Kết thúc học phần, sinh viên được yêu cầu nộp các bản dự giờ và viết nhật ký KTSP. Qua thời gian đi KTSP sẽ giúp cho các sinh viên định hướng, chuẩn bị tốt hơn cho nghề nghiệp trong tương lai, qua đó có thể điều chỉnh chiến lược học tập một cách hiệu quả.

5.66. MÃ HỌC PHẦN: SP213524 ÂM NHẠC VÀ PPDH ÂM NHẠC TIỂU HỌC

Số tín chỉ: 02; *Số tín chỉ lý thuyết:* 01; *Số tín chỉ thực hành:* 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Âm nhạc và Phương pháp dạy học âm nhạc là học phần bắt buộc đối với sinh viên hệ Đại học ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần này cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Phần 1: Âm nhạc cơ bản

Bao gồm các kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc: Những khái niệm về âm thanh, âm nhạc. Về độ cao, trường độ, nhịp, quãng, điệu thức và giọng, hợp âm, xác định giọng, các sắc thái biểu hiện..., là những kiến thức cơ sở cho các em sinh viên học những học phần tiếp theo của môn học. Phần xướng âm được thực hành trên cơ sở những phân lý thuyết đã được học ở nội dung I, gồm những kiến thức của các giọng Đô trưởng, La thứ. Với các loại nhịp: 2/4, 3/4, 4/4, 3/8, 6/8. Sử dụng các loại hình nốt: Tròn, trắng, đen, móc đơn, móc kép.

Phần 2: Phương pháp dạy học âm nhạc

Nội dung này nêu ra vai trò vị trí - Mục đích ý nghĩa - Nhiệm vụ của công tác giáo dục âm nhạc ở tiểu học, chương trình nội dung dạy âm nhạc ở tiểu học, nguyên tắc chung về phương pháp dạy âm nhạc, yêu cầu chuẩn bị trước khi lên lớp, yêu cầu cơ bản trong khi dạy hát ở trường tiểu học. Phương pháp dạy tập hát, dạy tập đọc nhạc, dạy phát triển khả năng nghe nhạc. Thực hành soạn giảng.

5.67. MÃ HỌC PHẦN: SP213582 CÔNG NGHỆ VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 1; Số tín chỉ thực hành: 1

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần công nghệ và phương pháp dạy học cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học những kiến thức cơ bản về công nghệ và đời sống; thủ công và kỹ thuật; phương pháp dạy học các nội dung trên ở trường tiểu học. Nội dung về công nghệ và đời sống gồm vai trò của công nghệ, tự nhiên và công nghệ; công nghệ và đời sống; Hoa và cây cảnh trong đời sống. Nội dung về thủ công & kỹ thuật là những kiến thức về lắp ghép mô hình kỹ thuật; làm đồ chơi. Phần phương pháp dạy học giới thiệu về năng lực, dạy học phát triển năng lực môn công nghệ như lựa chọn mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá. Học tốt học phần này sẽ là công cụ để sinh viên dạy tốt phần “công nghệ” trong chương trình tiểu học.

5.68. MÃ HỌC PHẦN: SP213526 THỂ DỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 05; Số tín chỉ thực hành: 1,5

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Thể dục và phương pháp dạy học cho học sinh tiểu học là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành giáo dục tiểu học trình độ đại học của trường Đại học Tây Nguyên.

Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận thực tiễn phương pháp giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học.

Thông qua học tập, nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công tác giảng dạy ở các trường tiểu học, bên cạnh đó môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ...

5.69. Mã học phần: SP213565 PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH TIỂU HỌC

Số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Phát triển chương trình tiểu học là học phần thuộc khối kiến thức khoa học ứng dụng trong nội dung kiến thức giáo dục chuyên ngành. Học phần “*Phát triển chương trình tiểu học*” được dùng cho sinh viên (SV) ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về chương trình giáo dục, chương trình giáo dục tiểu học, các định hướng phát triển chương trình giáo dục phổ thông và phát triển chương trình nhà trường tiểu học.

5.70. Mã học phần: SP213569 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 1

Tổng số tín chỉ: 03 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần được giảng dạy cho sinh viên năm 3 ngành Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Tiểu học Jarai. Học phần có thời lượng chỉ 3 tín chỉ (02 LT và 01 TH), có vai trò, vị trí rất quan trọng và vô cùng cần thiết trong việc đào tạo giáo viên Tiểu học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và ban đầu về quá trình dạy và học toán ở tiểu học. Cụ thể học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung về chương trình, sách giáo khoa môn toán ở tiểu học, dạy học môn toán phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và phương pháp dạy học các nội dung cụ thể trong chương trình toán ở tiểu học. Học phần được dạy sau khi sinh viên được học qua các học

phần Toán đại cương như toán học 1, toán học 2, toán học 3. Đây là học phần chuyên ngành đầu tiên về kiến thức toán tiểu học cho sinh viên, và kiến thức được nối tiếp bởi các học phần Phương pháp dạy học toán 2, Phương pháp dạy học toán 3, Chuyên đề Phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học.

5.71. MÃ HỌC PHẦN: SP213581 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 2

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần được giảng dạy cho sinh viên năm 4 ngành Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Tiểu học Jarai. Tuy thời lượng chỉ 3 tín chỉ (2 LT và 1 TH) nhưng học phần có vai trò rất quan trọng và cần thiết trong việc đào tạo giáo viên Tiểu học. Học phần cung cấp cho sinh viên cung cấp cơ sở lý luận của các phương pháp giải toán thông dụng và phương pháp giải một số loại toán đặc thù của bậc tiểu học, thực hành giải các dạng toán về Số và phép tính, hình học và đo lường, dạng toán khác, hướng dẫn sinh viên dạy học các nội dung cụ thể môn Toán ở tiểu học, ... Yêu cầu mỗi giáo viên tiểu học phải nắm vững trong quá trình hành nghề. Học phần được dạy sau khi sinh viên được học qua các học phần Toán đại cương như toán học 1, toán học 2, toán học 3 và học phần chuyên ngành Phương pháp dạy học toán 1. Đây là học phần chuyên ngành thứ hai về kiến thức toán tiểu học cho sinh viên, và kiến thức được nối tiếp bởi các học phần Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Toán ở tiểu học, Chuyên đề Phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học.

5.72. MÃ HỌC PHẦN: SP213064 PPDH TỰ NHIÊN - XÃ HỘI

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Tiểu học Jarai. Nội dung học phần gồm có 6 chương: Giới thiệu chung về môn Tự nhiên - Xã hội ở Tiểu học; Các phương pháp dạy học môn Tự nhiên - Xã hội; Các hình thức tổ chức dạy học trong môn Tự nhiên - Xã hội; Thiết bị dạy học môn Tự nhiên - Xã hội; Kiểm tra và đánh giá trong môn Tự nhiên - Xã hội; Hướng dẫn giảng dạy các chủ đề cụ thể trong môn Tự nhiên - Xã hội.

5.73. Mã học phần: SP 213543 Lịch sử-Địa lí và phương pháp dạy học Lịch sử-Địa lí

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Lịch sử - Địa lí và phương pháp dạy học môn Lịch sử và Địa lí dành cho sinh viên năm thứ ba ngành giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam và địa lí Việt Nam, những kiến thức cơ bản về lịch sử và địa lí các nước láng giềng, khu vực và thế giới; các phương pháp dạy học đặc thù môn Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học, phương tiện và thiết bị dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học; dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực; phương pháp dạy học và hướng dẫn dạy học các dạng bài trong sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

5.74. MÃ HỌC PHẦN: SP213065 KHOA HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC

Số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 01.

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Khoa học và phương pháp dạy học môn Khoa học là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục tiểu học. Học phần góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về các thành tố của chương trình GDPT môn Khoa học ở tiểu học. Định hướng cho người học một quan điểm đúng đắn về việc tổ chức các hoạt động dạy học và đánh giá theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng lựa chọn, sử dụng có

hiệu quả các phương pháp, các hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học, bồi dưỡng những phẩm chất của một nhà giáo thông qua các hoạt động thực hành soạn giáo án và tập giảng.

5.75. Mã học phần: SP213549 TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp trong CTĐT Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Tiểu học Tiếng Jrai, được giảng dạy cho sinh viên năm 4. Tuy thời lượng chỉ 2 tín chỉ nhưng học phần có vai trò rất quan trọng và vô cùng cần thiết trong việc đào tạo giáo viên Tiểu học. Học phần bao gồm lí luận về hoạt động trải nghiệm, quy trình thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm; rèn luyện các kĩ năng về tổ chức các hoạt động trải nghiệm như kĩ năng tổ chức tiết chào cờ, tổ chức tiết hoạt động tập thể và tổ chức các hoạt động theo chủ điểm, kĩ năng kế hoạch phối hợp với gia đình và xã hội trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

5.76. DẠY HỌC TÍCH HỢP Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC, Mã học phần: SP213067

Số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần dạy học tích hợp ở trường tiểu học cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học những kiến thức, kĩ năng về dạy học tích hợp; tổ chức dạy học tích hợp ở trường tiểu học. Nội dung học phần gồm những vấn đề chung về dạy học tích hợp, xây dựng nội dung dạy học tích hợp ở tiểu học và tổ chức dạy học tích hợp có hiệu quả ở trường tiểu học.

5.77. MÃ HỌC PHẦN: SP214552 THỰC TẾ CHUYÊN NGÀNH

Số tín chỉ: 1; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 1

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần thực tế chuyên ngành là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình GD tiểu học. Thông qua việc tìm hiểu thực tiễn sinh viên cơ hội mở rộng hiểu biết về những vấn đề tự nhiên, xã hội, văn hóa..., đồng thời vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.

5.78. MÃ HỌC PHẦN: SP213068 DẠY HỌC TIẾNG VIỆT THEO ĐỊNH HƯỚNG GIAO TIẾP

Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành:

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần dành cho sinh viên năm thứ 3 sau khi học xong học phần PPDH Tiếng Việt 1. Học phần hình thành cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình dạy và học các phân môn của môn Tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp, được trình bày làm 4 chương: Chương 1. Chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp; Chương 2. Một số điểm cần lưu ý về phương pháp dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp; Chương 3. Dạy sản sinh văn bản nói và viết cho học sinh tiểu học; Chương 4. Kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học theo chương trình mới.

5.79. MÃ HỌC PHẦN: SP213069 DẠY HỌC HỘI THOẠI CHO HỌC SINH TIỂU HỌC,

Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần tự chọn dành cho sinh viên năm thứ 3 sau khi học xong các học phần Tiếng Việt 1, 2. Học phần hình thành cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình dạy và học các nội dung hội thoại trong môn Tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp, được trình bày làm 3 chương. Chương 1. Khái quát chung về hội thoại; Chương 2. Dạy hội thoại ở tiểu học; Chương 3. Hướng dẫn dạy hội thoại.

5.80. MÃ HỌC PHẦN: SP213183 BỒI DƯỠNG HỌC SINH CÓ NĂNG KHIẾU TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC,

Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần dành cho sinh viên năm thứ 3 sau khi học xong các học phần Tiếng Việt 1, 2 và học phần PPDH Tiếng Việt 1. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình dạy học, bồi dưỡng cho học sinh có năng khiếu tiếng Việt ở tiểu học các kiến thức và kỹ năng nâng cao của môn Tiếng Việt, được trình bày làm 3 chương: Chương 1. Khái quát về bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Tiếng Việt ở tiểu học; Chương 2. Bồi dưỡng hứng thú và vốn sống cho học sinh có năng khiếu Tiếng Việt; Chương 3: Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho học sinh có năng khiếu tiếng Việt.

5.81 MÃ HỌC PHẦN: SP213184 BỒI DƯỠNG HỌC SINH CÓ NĂNG KHIẾU TOÁN Ở TIỂU HỌC

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở tiểu học là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên một số kiến thức nâng cao về các dạng toán ở bậc tiểu học như các bài toán về số và chữ số, các bài toán về dãy số, các bài toán chia hết, các bài toán về chuyên động đều, các bài toán về tính tuổi và các bài toán về điền số vào phép tính. Thông qua việc học môn Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở tiểu học, sinh viên sẽ được cung cấp kỹ năng cần thiết để giải quyết một số bài toán nâng cao ở bậc tiểu học một cách có hiệu quả nhất.

5.82 MÃ HỌC PHẦN: SP213574 RÈN LUYỆN TƯ DUY TRONG DẠY HỌC MÔN TOÁN Ở TH

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm nội dung về rèn luyện tư duy khi giải toán ở tiểu học. Rèn luyện tư duy trong dạy học môn Toán ở Tiểu học là việc làm thật sự cần thiết. Tư duy là điều kiện cần thiết cho sự thành công của bất kỳ người lao động làm việc trong bất kỳ ngành nghề nào, cấp độ nào. Môn học này sẽ thảo luận về những khái niệm, những quy tắc nền tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý tư duy vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. Bên cạnh đó, môn học sẽ phát triển những kỹ năng tư duy thông qua thảo luận và thực hành những phương pháp, những công cụ tư duy hữu ích cho sự phát triển năng lực trí tuệ của cá nhân và cộng đồng.

6.83 MÃ HỌC PHẦN: SP215038 DẠY HỌC TOÁN TÍNH TUỔI CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần dành cho sinh viên năm cuối sau khi học xong các học phần phương pháp dạy học Toán 1, 2. Tuy thời lượng chỉ 2 tín chỉ (LT) nhưng học phần có vai trò rất quan trọng và cần thiết trong việc đào tạo giáo viên Tiểu học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến

thức cơ bản về quá trình dạy và học giải toán tính tuổi ở tiểu học, được trình bày làm 2 chương. Mỗi chương sẽ tóm gọn các kiến thức cơ bản về dạy học giải bài tập toán ở tiểu học. Chẳng hạn các vấn đề về dạy học giải toán tính tuổi ở tiểu học. Ngoài ra sinh viên có những kĩ năng giải các dạng toán tính tuổi ở tiểu học, từ đó vận dụng các kiến thức vào thực hành giảng dạy. Học phần được dạy sau khi sinh viên được học qua các học phần Toán đại cương như toán học 1, toán học 2, toán học 3 và học phần chuyên ngành Phương pháp dạy học toán 1, Phương pháp dạy học toán 2, Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Toán ở tiểu học. Đây là học phần giúp sinh viên có các kiến thức giải toán tính tuổi tiểu học, là nền tảng cho sinh viên trước khi ra trường.

5.84 Mã học phần: SP215039 DẠY HỌC TOÁN CHUYÊN ĐỘNG ĐỀU CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần dành cho sinh viên năm cuối sau khi học xong các học phần phương pháp dạy học Toán 1, 2. Tuy thời lượng chỉ 2 tín chỉ (LT) nhưng học phần có vai trò rất quan trọng và cần thiết trong việc đào tạo giáo viên Tiểu học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình dạy và học giải toán chuyển động đều ở tiểu học, được trình bày làm 2 chương. Mỗi chương sẽ tóm gọn các kiến thức cơ bản về dạy học giải bài tập toán ở tiểu học. Chẳng hạn các vấn đề về dạy học giải toán chuyển động đều ở tiểu học. Ngoài ra sinh viên có những kĩ năng giải các dạng toán chuyển động đều ở tiểu học, từ đó vận dụng các kiến thức vào thực hành giảng dạy. Học phần được dạy sau khi sinh viên được học qua các học phần Toán đại cương như toán học 1, toán học 2, toán học 3 và học phần chuyên ngành Phương pháp dạy học toán 1, Phương pháp dạy học toán 2, Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Toán ở tiểu học. Đây là học phần giúp sinh viên có các kiến thức giải toán chuyển động đều tiểu học, là nền tảng cho sinh viên trước khi ra trường.

5.85. Mã học phần: SP213072 SỬ DỤNG CÁC KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

Số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần “*Sử dụng các kĩ thuật dạy học tích cực ở trường tiểu học*” là học phần bắt buộc, được dùng cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về các kĩ thuật dạy học tích cực ở trường Tiểu học. Qua học phần, giúp sinh viên có kiến thức và vận dụng được các kĩ thuật dạy học tích cực trong thiết kế kế hoạch bài dạy ở trường tiểu học, phát triển các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp, giải quyết vấn đề. Đồng thời, trau dồi cho người học tình yêu nghề, ý thức trách nhiệm được sứ mệnh của người giáo viên Tiểu học trong nền giáo dục và sự nghiệp đổi mới giáo dục.

5.86. Mã học phần: SP213544 RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 1

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần dành cho sinh viên năm thứ hai. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm của chữ viết tiếng Việt; rèn luyện cho sinh viên kĩ năng viết chữ trên giấy, kĩ năng viết và trình bày bảng. Học phần gồm 02 nội dung: Chương I. Kĩ năng viết chữ trên giấy; Chương II. Kĩ năng viết và trình bày bảng.

9.87. Mã học phần: SP213545 RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN 2

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 00; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần được giảng dạy cho sinh viên năm 2 ngành Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Tiểu học Jarai. Tuy thời lượng chỉ 1 tín chỉ nhưng học phần có vai trò rất quan trọng và vô cùng cần thiết trong việc đào tạo giáo viên Tiểu học. Học phần bao gồm các kỹ năng thuyết trình và kỹ năng kể chuyện. Các kỹ năng này vừa là kỹ năng chính vừa là kỹ năng bổ trợ giúp sinh viên giảng dạy tốt hơn.

5.88. GIAO TIẾP SỰ PHẠM Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC, Mã học phần: SP213586

Số tín chỉ: **01**; Số tín chỉ lý thuyết: **0**; Số tín chỉ thực hành: **01**

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Giao tiếp sự phạm ở trường tiểu học là học phần thuộc khối kiến thức khoa học ứng dụng trong nội dung kiến thức giáo dục chuyên ngành. Học phần “*Giao tiếp sự phạm ở trường tiểu học*” được dùng cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học. Trong nội dung học phần tập trung rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp và xử lý các tình huống sự phạm với học sinh tiểu học, với phụ huynh học sinh và kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp. Qua đó, trau dồi cho sinh viên kỹ năng giao tiếp sự phạm hiệu quả, có thái độ tích cực trong giao tiếp, xử lý tình huống sự phạm và coi trọng việc tự rèn luyện để hoàn thiện nhân cách của mình.

5.89. MÃ HỌC PHẦN: SP213031 THỰC HÀNH KỸ NĂNG SỰ PHẠM

Tổng số tín chỉ: 1; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Thực hành kỹ năng sự phạm (THKNSP) là học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sự phạm, nằm trong nội dung kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Học phần gồm các hoạt động thực hành kỹ năng dạy học bằng phương pháp dạy học vi mô, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm khoa học nhằm bồi dưỡng và nâng cao năng lực nghiệp vụ sự phạm cho sinh viên. Hình thành năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp cho sinh viên sự phạm.

5.90. Mã học phần: SP213185 PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 01

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần được giảng dạy cho sinh viên năm 4 ngành Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Tiểu học Jarai. Tuy thời lượng chỉ 1 tín chỉ nhưng học phần có vai trò rất quan trọng và vô cùng cần thiết trong việc đào tạo giáo viên Tiểu học. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về công tác đội, nguyên tắc và phương pháp tổ chức đội thiếu niên tiên phong trong trường tiểu học. Bên cạnh đó, sinh viên có thể đảm nhận vai trò tổng phụ trách đội trong trường tiểu học.

5.91. MÃ HỌC PHẦN: SP216417 THỰC TẬP SỰ PHẠM

Tổng số tín chỉ: 05; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 5

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Thực tập sự phạm (TTSP) là học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sự phạm, nằm trong nội dung kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần nhằm cung cấp cho giáo sinh những nội dung cơ bản về: Mục đích, ý nghĩa của TTSP; Nội dung TTSP; tiêu chuẩn đánh giá TTSP, trách nhiệm của GV hướng dẫn, của trường, phó đoàn TTSP, cách viết nhật ký TTSP và một số phụ lục nhằm trợ giúp SV trong quá trình TTSP ở trường phổ thông.

Học phần chủ yếu dành thời gian để giáo sinh vận dụng toàn bộ những kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, năng lực sự phạm đã tích lũy được trong 4 năm học tập, nghiên cứu tại trường sự phạm để vận dụng vào thực tiễn giảng dạy và giáo dục ở trường phổ thông.

5.92. MÃ HỌC PHẦN: SP213089 GIÁO DỤC STEM Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

Số tín chỉ: 02; *Số tín chỉ lý thuyết:* 02; *Số tín chỉ thực hành:* 0.

Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần *Giáo dục STEM ở trường tiểu học* góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mô hình giáo dục STEM và định hướng giáo dục STEM trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực thiết kế các chủ đề giáo dục STEM ở tiểu học. Từ đó làm cơ sở cho việc tự nghiên cứu, tự học để nâng cao năng lực chuyên môn nghề nghiệp, chuẩn bị cho việc tổ chức dạy học theo tiếp cận STEM góp phần phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

5.93. Mã học phần: SP213190 THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG ĐẠY HỌC CÁC MÔN HỌC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

*Tổng số tín chỉ:*02; *Số tín chỉ lý thuyết:* 02; *Số tín chỉ thực hành:* 00.

Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần được giảng dạy cho sinh viên năm 4 ngành Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Tiểu học Jarai. Tổng thời lượng 2 tín chỉ, học phần có vai trò rất quan trọng và vô cùng cần thiết trong việc đào tạo giáo viên Tiểu học. Học phần bao gồm các lý luận về thiết kế, tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học các môn học ở tiểu học. Học phần được thiết kế thành 2 phần: Phần 1 là lý luận về hoạt động trải nghiệm bao gồm khái niệm, cách tiến hành, ưu và nhược điểm; Phần 2 hướng tới nghiên cứu các nội dung có thể tổ chức HĐTN trong các môn Toán, Tiếng Việt và các môn thuộc mảng Tự nhiên và xã hội như Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Tự nhiên và xã hội) và tiến hành thiết kế các nội dung HĐTN.

6. Đề cương chi tiết các học phần

Thực hiện theo Quyết định số/QĐ-ĐHTN ngày tháng..... năm 20 ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành chương trình đào tạo ngành

7. Đối sánh với các chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo chuyên ngành GDTH trường Đại học Cần Thơ (2023)
- Chương trình đào tạo chuyên ngành GDTH trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2023)
- Chương trình đào tạo chuyên ngành GDTH trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên (2023)

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. Thông tin về chương trình đào tạo.....	1
2. Mục tiêu đào tạo.....	1
3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp	2
4. Chuẩn đầu ra.....	2
5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	3
6. Phương pháp kiểm tra đánh giá.....	4
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	4
1. Cấu trúc chương trình dạy học	4
2. Nội dung đào tạo	4
3. Kế hoạch giảng dạy.....	10
4. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	14
5. Mô tả vắn tắt các học phần	16
6. Đề cương chi tiết các học phần	23
7. Đối sánh với các chương trình đào tạo	23
MỤC LỤC	24

TRƯỜNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG